

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCP

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 30

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCP

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Quang Vinh	Chủ tịch
Ông Trần Văn Thanh	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Văn Lăng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thanh Huyền	Ủy viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hồng Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Khắc Trí	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 8 năm 2014

Số: *203* /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng") của Công ty mẹ - Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 20 tháng 8 năm 2014, từ trang 03 đến trang 30. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề đáng lưu ý nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trương Anh Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0029-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 8 năm 2014
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Quang Huy
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1675-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.099.533.438.621	1.318.858.338.875
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	187.580.546.097	354.810.440.443
1. Tiền	111		41.403.546.097	48.310.440.443
2. Các khoản tương đương tiền	112		146.177.000.000	306.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	429.261.637.800	519.561.430.200
1. Đầu tư ngắn hạn	121		435.955.712.693	526.469.433.693
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(6.694.074.893)	(6.908.003.493)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		364.912.273.700	318.330.821.280
1. Phải thu khách hàng	131		53.503.589.030	55.193.866.276
2. Trả trước cho người bán	132		28.499.862.767	15.087.444.491
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	6	268.142.495.283	237.223.628.051
4. Các khoản phải thu khác	135	7	16.649.379.473	12.678.435.859
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.883.052.853)	(1.852.553.397)
IV. Hàng tồn kho	140	8	103.509.560.858	109.046.751.376
1. Hàng tồn kho	141		104.563.420.489	116.816.821.847
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.053.859.631)	(7.770.070.471)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.269.420.166	17.108.895.576
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.123.156.849	970.754.121
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.337.158.849	15.628.827.366
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		89.998.729	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.719.105.739	509.314.089
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+240+250+260)	200		497.508.164.422	525.345.245.374
I. Tài sản cố định	220		259.411.033.773	263.218.257.047
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	237.146.573.813	198.941.605.890
- Nguyên giá	222		353.862.660.637	308.011.107.310
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(118.736.086.824)	(109.069.501.420)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	10.253.827.230	9.562.489.457
- Nguyên giá	228		16.839.023.106	14.855.023.106
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.585.195.876)	(5.292.533.649)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	12.010.632.730	54.714.161.700
II. Bất động sản đầu tư	240	12	8.012.961.203	7.524.571.900
- Nguyên giá	241		9.043.165.265	9.043.165.265
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.030.204.062)	(1.518.593.365)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		132.987.708.826	137.915.508.893
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	131.987.708.826	131.987.708.826
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	-	5.000.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	15	2.610.000.000	2.610.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.610.000.000)	(1.682.199.933)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		97.096.460.620	116.686.907.534
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	96.430.495.712	116.020.942.626
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		665.964.908	665.964.908
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.597.041.603.043	1.844.203.584.249

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		960.830.694.129	1.181.883.641.696
I. Nợ ngắn hạn	310		947.129.747.977	1.155.968.310.148
1. Vay ngắn hạn	311	17	672.094.779.378	822.635.637.433
2. Phải trả người bán	312		212.706.226.321	277.384.940.160
3. Người mua trả tiền trước	313		1.414.613.134	1.354.863.287
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	18	1.340.994.655	4.025.617.382
5. Phải trả người lao động	315		13.341.523.378	13.629.043.814
6. Chi phí phải trả	316		19.896.603.662	993.315.237
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	19	15.485.113.485	25.740.166.150
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	20	-	8.102.335.721
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		10.849.893.964	2.102.390.964
II. Nợ dài hạn	330		13.700.946.152	25.915.331.548
1. Phải trả dài hạn khác	333	21	13.070.226.152	25.389.233.820
2. Doanh thu chưa thực hiện	338		630.720.000	526.097.728
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		636.210.908.914	662.319.942.553
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	636.210.908.914	662.319.942.553
1. Vốn điều lệ	411		502.875.030.000	502.875.030.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		7.302.550.000	7.302.550.000
3. Cổ phiếu quỹ	414		(49.700.000)	(49.700.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		67.151.082.553	61.091.700.833
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		14.200.000.000	14.000.000.000
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		44.731.946.361	77.100.361.720
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.597.041.603.043	1.844.203.584.249

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Đơn vị	30/6/2014	31/12/2013
Hàng hóa nhận ký gửi	VND	6.469.700.000	3.095.500.000


Phan Quang Thành
Người lập biểu


Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng


Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 8 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.351.558.589.943	1.467.932.281.075
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		610.383.391	308.384.199
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	23	1.350.948.206.552	1.467.623.896.876
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	1.313.796.680.401	1.402.839.790.690
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		37.151.526.151	64.784.106.186
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	60.902.923.905	46.042.963.453
7. Chi phí tài chính	22	27	23.561.285.463	17.347.060.559
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.968.516.323	13.617.241.786
8. Chi phí bán hàng	24		14.314.871.307	27.360.688.532
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14.534.939.658	17.907.337.348
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		45.643.353.628	48.211.983.200
11. Thu nhập khác	31	28	16.128.449.584	914.082.349
12. Chi phí khác	32	29	14.112.771.373	916.442.603
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		2.015.678.211	(2.360.254)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		47.659.031.839	48.209.622.946
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	2.927.085.478	5.399.611.921
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		44.731.946.361	42.810.011.025

[Signature]

Phan Quang Thành
Người lập biểu

[Signature]

Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng



Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 8 năm 2014

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014
(Theo phương pháp gián tiếp)

		MÃ SỐ B 03-DN	
		Đơn vị tính: VND	
CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	47.659.031.839	48.209.622.946
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	12.040.589.229	9.005.476.768
Các khoản dự phòng	03	(15.074.175.638)	(9.922.681.945)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	1.492.332.783	908.998.719
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(62.795.136.998)	(43.128.105.969)
Chi phí lãi vay	06	19.968.516.323	13.617.241.786
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.291.157.538	18.690.552.305
Thay đổi các khoản phải thu	09	(71.100.508.852)	22.487.476.647
Thay đổi hàng tồn kho	10	12.253.401.358	71.120.849.330
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(43.088.693.354)	(3.851.080.408)
Thay đổi chi phí trả trước	12	18.438.044.186	(9.721.164.810)
Tiền lãi vay đã trả	13	(20.115.302.333)	(13.153.526.991)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.118.561.119)	(9.848.111.054)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	3.819.579.956	3.541.220.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.752.497.000)	(7.191.064.623)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(102.373.379.620)	72.075.150.396
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(36.387.102.789)	(31.166.016.231)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	16.096.924.081	28.438.529.118
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(162.077.529.000)	(346.746.250.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	252.591.250.000	228.118.880.733
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	86.371.104.935	12.193.343.033
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	156.594.647.227	(109.161.513.347)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền vay ngắn hạn nhận được	33	1.468.388.746.189	1.069.171.281.033
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.620.464.682.639)	(937.351.642.683)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(69.375.108.834)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(221.451.045.284)	131.819.638.350
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	(167.229.777.677)	94.733.275.399
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	354.810.440.443	91.889.279.426
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(116.669)	(5.337.731)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 +60+61)	70	187.580.546.097	186.617.217.094

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

*Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014
(Theo phương pháp gián tiếp)*

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ không bao gồm 2.297.346.496 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013: 670.200.997 đồng), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong kỳ mà chưa thanh toán cho nhà cung cấp và đã bao gồm số tiền 13.021.711.268 đồng (kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013: 5.523.725.398 đồng) là số tiền ứng đã trước cho nhà cung cấp để mua sắm tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang nhưng chưa nhận tài sản trong kỳ. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả và phải thu.

Trong kỳ, Công ty Công ty TNHH Dầu tư Thương mại PLG trước đây là Công ty liên kết của Tổng Công ty đã chấm dứt hoạt động từ ngày 24 tháng 6 năm 2014 theo quyết định giải thể của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội. Một phần giá gốc của khoản đầu tư vào Công ty liên kết này đã được bù trừ với số dư khoản phải trả khác cho Công ty này với giá trị là 4.822.716.212 đồng, đây là số tiền lũy kế Công ty đã nhận lại từ Công ty TNHH Dầu tư Thương mại PLG trong các năm trước.


Phan Quang Thành
Người lập biểu

Ngày 20 tháng 8 năm 2014


Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởng




Trần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Gas Petrolimex - CTCP (gọi tắt là "Tổng Công ty") tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (nay là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam) hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Thời điểm bàn giao sang công ty cổ phần là ngày 01 tháng 01 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCDN ngày 21 tháng 5 năm 2004 của Bộ Tài chính. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0101447725, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 29 tháng 3 năm 2013 với số vốn điều lệ là 502.875.030.000 đồng.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo Quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20 tháng 10 năm 2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24 tháng 11 năm 2006, cổ phiếu của Tổng Công ty chính thức được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là PGC.

Công ty mẹ của Tổng Công ty là Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam, nắm giữ 52,37% vốn điều lệ.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty bao gồm xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; dịch vụ thương mại; kinh doanh địa ốc và bất động sản; nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vô bình gas); kiểm định, bảo dưỡng các loại vô bình gas.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 308 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 306 người).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thống lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, phải thu nội bộ ngắn hạn, phải thu khác và đầu tư ngắn hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán và được Tổng Công ty dự định thanh lý trong vòng 12 tháng kể từ ngày lập báo cáo tài chính riêng.

Tại ngày cuối kỳ kế toán, các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán (nếu có).

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Từ ngày 01/01/2014**đến ngày 30/6/2014****Số năm**

Nhà cửa, vật kiến trúc

15 - 30

Máy móc, thiết bị

6 - 10

Phương tiện vận tải

8 - 10

Dụng cụ quản lý

3 - 6

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất, phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Trong đó, giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian sử dụng. Phần mềm máy tính được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính từ 4 đến 10 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Tiếp theo)**

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và giá trị xây lắp do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư của Tổng Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 48 năm đối với quyền sử dụng đất và giá trị xây lắp (thời gian hiệu lực còn lại của quyền sử dụng đất).

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận trên báo cáo tài chính riêng của Công ty theo giá gốc trừ (-) dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (nếu có).

Các khoản đầu tư dài hạn khác phản ánh các khoản đầu tư chứng khoán, được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán của các công ty đã niêm yết, giá trị dự phòng được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá mua thực tế và giá giao dịch bình quân thực tế trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) tại ngày trích lập dự phòng. Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán và không có giao dịch trên thị trường giao dịch không chính thức (OTC hoặc Upcom), giá trị dự phòng được Tổng Công ty xác định trên cơ sở đánh giá thận trọng nhất của Ban Tổng Giám đốc về mức suy giảm giá trị có thể xảy ra là chênh lệch giữa giá mua thực tế và mệnh giá chứng khoán. Ban Tổng Giám đốc xác định việc trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư không có giá tham chiếu này không ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị còn lại của vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng nhưng chưa được phân bổ hết, tiền thuê đất trả trước và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác có thời hạn lớn hơn một năm.

Tiền thuê đất trả trước là giá trị tiền thuê đất để xây dựng Kho gas Đình Vũ với số tiền 24.856.249.290 đồng, trong thời hạn 488 tháng và được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Chi phí trả trước dài hạn (Tiếp theo)

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và chi phí bảo hiểm tài sản. Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành. Chi phí bảo hiểm tài sản được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh theo thời gian thực tế mua bảo hiểm.

Phân bổ giá trị vỏ bình gas và khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được

Tổng Công ty áp dụng hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính và Công văn hướng dẫn số 7640/CV-BTC ngày 21 tháng 6 năm 2005 và số 7776/BTC-TCT ngày 02 tháng 6 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc "Hướng dẫn chế độ tài chính và thuế đối với doanh nghiệp kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng chai" trong việc ghi nhận và phân bổ giá trị vỏ bình gas và các khoản ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Chi phí quản lý kho

Tổng Công ty hạch toán, theo dõi các chi phí tại kho đầu mối (như chi phí lương, khấu hao tài sản cố định, các chi phí thuê ngoài liên quan đến việc chiết nạp gas) vào giá vốn hàng bán. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá việc hạch toán này là phù hợp với các quy định hiện hành.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp hàng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tiền mặt	221.123.609	383.574.126
Tiền gửi ngân hàng	41.182.422.488	47.926.866.317
Các khoản tương đương tiền (*)	146.177.000.000	306.500.000.000
	187.580.546.097	354.810.440.443

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới ba tháng tại các ngân hàng thương mại.

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công ty Cổ phần Taxi Gas Petrolimex Sài Gòn (*)	20.377.064.426	20.377.064.426
Công ty Cổ phần Than Vàng Danh - Vinacomin	1.119.267	1.119.267
Đầu tư ngắn hạn khác (**)	415.577.529.000	506.091.250.000
	435.955.712.693	526.469.433.693
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(6.694.074.893)	(6.908.003.493)
	429.261.637.800	519.561.430.200

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2014 ngày 25 tháng 4 năm 2014, Tổng Công ty tiếp tục thực hiện thoái vốn khỏi Công ty Cổ phần Taxi Gas Petrolimex Sài Gòn. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng Công ty trình bày khoản đầu tư này như một khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư theo giá trị thị trường của cổ phiếu.

(**) Các khoản đầu tư ngắn hạn khác phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm tại các ngân hàng thương mại.

6. PHẢI THU NỘI BỘ NGẮN HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu các Công ty con (Công ty sở hữu 100% vốn điều lệ):		
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	55.272.961.301	53.954.909.644
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	56.210.391.436	53.277.335.284
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	82.349.090.134	83.715.484.630
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	31.681.494.384	28.636.383.848
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	42.628.558.028	17.639.514.645
	268.142.495.283	237.223.628.051

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tạm ứng cho các cửa hàng gas và nhân viên	-	479.314.089
Phải thu ngắn hạn khác	16.649.379.473	12.199.121.770
	<u>16.649.379.473</u>	<u>12.678.435.859</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng mua đang đi trên đường	19.460.371.525	792.000.000
Nguyên liệu, vật liệu	6.581.075.793	5.617.732.677
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.728.967.438	1.728.967.438
Hàng hóa	76.793.005.733	108.678.121.732
Cộng	<u>104.563.420.489</u>	<u>116.816.821.847</u>
Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.053.859.631)	(7.770.070.471)
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	<u>103.509.560.858</u>	<u>109.046.751.376</u>

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX – CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014
đến ngày 30/6/2014**MẪU SỐ B 09-DN****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH****NGUYÊN GIÁ****Tại ngày 01/01/2014**

Mua sắm mới

Xây dựng cơ bản hoàn thành

Thanh lý, nhượng bán

Tại ngày 30/6/2014

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
	230.394.829.074	50.179.484.024	21.668.624.834	5.768.169.378	308.011.107.310
	-	15.436.691.645	-	-	15.436.691.645
	28.060.571.316	18.953.782.615	1.068.084.000	-	48.082.437.931
	(14.820.338.422)	-	(827.237.827)	-	(15.647.576.249)
	243.635.061.968	84.569.958.284	21.909.471.007	5.768.169.378	355.882.660.637

GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ**Tại ngày 01/01/2014**

Khấu hao trong kỳ

Thanh lý, nhượng bán

Tại ngày 30/6/2014

	68.142.863.667	27.659.747.150	11.858.177.480	1.408.713.123	109.069.501.420
	6.412.861.490	3.051.905.694	1.070.441.375	701.107.746	11.236.316.305
	(985.819.155)	-	(583.911.746)	-	(1.569.730.901)
	73.569.906.002	30.711.652.844	12.344.707.109	2.109.820.869	118.736.086.824

GIÁ TRỊ CÒN LẠI**Tại ngày 30/6/2014****Tại ngày 31/12/2013**

	170.065.155.966	53.858.305.440	9.564.763.898	3.658.348.509	237.146.573.813
	162.251.965.407	22.519.736.874	9.810.447.354	4.359.456.255	198.941.605.890

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 36.088.387.056 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 32.740.656.871 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	6.970.386.850	7.884.636.256	14.855.023.106
Mua sắm mới	-	1.984.000.000	1.984.000.000
Phân loại lại	17.660.620	(17.660.620)	-
Tại ngày 30/6/2014	6.988.047.470	9.850.975.636	16.839.023.106
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	1.108.293.353	4.184.240.296	5.292.533.649
Trích khấu hao trong kỳ	56.970.000	656.006.258	712.976.258
Tăng từ phân loại lại bất động sản đầu tư	579.685.969	-	579.685.969
Phân loại lại	17.660.620	(17.660.620)	-
Tại ngày 30/6/2014	1.762.609.942	4.822.585.934	6.585.195.876
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2014	5.225.437.528	5.028.389.702	10.253.827.230
Tại ngày 31/12/2013	5.862.093.497	3.700.395.960	9.562.489.457

(*) Bao gồm giá trị quyền sử dụng đất của lô đất tại 322 Điện Biên Phủ - Thành phố Hồ Chí Minh, được đánh giá lại theo Quyết định số 4450/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo Quyết định số 1158/QĐ-UBND ngày 25 tháng 3 năm 2009 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Tổng Công ty được sử dụng lô đất này để xây dựng văn phòng với chế độ giao đất có thu tiền sử dụng đất. Thời hạn giao đất là 50 năm kể từ ngày Ủy ban Nhân dân thành phố ban hành quyết định.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DƯ DANG

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công trình mở rộng Đình Vũ, di dời Thượng Lý	11.563.710.730	8.823.926.266
Công trình kho gas Thọ Quang	-	45.085.018.335
Các công trình khác	446.922.000	805.217.099
	12.010.632.730	54.714.161.700

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Quyền sử dụng đất	Giá trị xây lắp	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2014	6.957.405.470	2.085.759.795	9.043.165.265
Tại ngày 30/6/2014	6.957.405.470	2.085.759.795	9.043.165.265
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2014	1.252.195.970	266.397.395	1.518.593.365
Trích khấu hao trong kỳ	69.570.000	21.726.666	91.296.666
Phân loại sang tài sản cố định vô hình	(579.685.969)	-	(579.685.969)
Tại ngày 30/6/2014	742.080.001	288.124.061	1.030.204.062
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2014	6.215.325.469	1.797.635.734	8.012.961.203
Tại ngày 31/12/2013	5.705.209.500	1.819.362.400	7.524.571.900

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần giá trị quyền sử dụng đất và các giá trị xây lắp, đã hoàn thành của cao ốc văn phòng tại 322 Điện Biên Phủ, thành phố Hồ Chí Minh tương ứng với diện tích Tổng Công ty đang cho thuê hoặc nắm giữ để cho thuê.

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 - *Bất động sản đầu tư*, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính. Để xác định được giá trị hợp lý này, Tổng Công ty sẽ phải thuê một công ty tư vấn độc lập đánh giá giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư. Hiện tại, Tổng Công ty chưa tìm được công ty tư vấn phù hợp để thực hiện công việc này.

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết	Hoạt động chính
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	Hải Phòng	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	Đà Nẵng	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	Hồ Chí Minh	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	Cần Thơ	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	Hà Nội	100%	Kinh doanh gas hóa lỏng
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	Hồ Chí Minh	51%	Sản xuất, sửa chữa, lắp đặt bình gas

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Vốn đầu tư tại các công ty con	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hải Phòng	22.000.000.000	22.000.000.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Đà Nẵng	20.500.000.000	20.500.000.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Sài Gòn	57.000.000.000	57.000.000.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Cần Thơ	11.000.000.000	11.000.000.000
Công ty TNHH Gas Petrolimex Hà Nội	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG	11.487.708.826	11.487.708.826
	131.987.708.826	131.987.708.826

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG	-	5.000.000.000
	-	5.000.000.000
Dự phòng khoản đầu tư vào công ty liên kết	-	(72.199.933)
	-	4.927.800.067

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Dầu tư cổ phiếu	2.610.000.000	2.610.000.000
	2.610.000.000	2.610.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(1.610.000.000)	(1.610.000.000)
	1.000.000.000	1.000.000.000

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Tiền thuê đất	Vô bình gas	Khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	20.771.135.053	93.438.004.783	1.811.802.790	116.020.942.626
Tăng trong kỳ	-	10.318.569.000	18.298.890.567	28.617.459.567
Giá vốn vô bình bán cho công ty con	-	(40.956.947.095)	-	(40.956.947.095)
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(306.234.966)	(3.687.081.592)	(3.257.642.828)	(7.250.959.386)
Tại ngày 30/6/2014	20.464.900.087	59.112.545.096	16.853.050.529	96.430.495.712

Tiền thuê đất phản ánh giá trị hợp đồng thuê 3 ha đất tại khu Công nghiệp Đình Vũ - ký hiệu Cn 5.2 để xây dựng Kho ga Đình Vũ, được trả trước cho Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ với thời gian thuê là 488 tháng, đến hết ngày 02 tháng 4 năm 2047.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***17. VAY NGẮN HẠN**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (i)	52.534.280.214	100.616.095.133
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	13.917.945.897	82.821.906.176
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (iii)	192.759.830.175	245.565.815.200
Ngân hàng TMCP Quân đội (iv)	116.897.539.572	155.081.193.313
Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex (v)	191.243.626.749	161.832.596.905
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam (vi)	37.816.449.192	56.621.390.014
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) (vii)	66.925.107.579	20.096.640.692
	672.094.779.378	822.635.637.433

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành bằng Đồng Việt Nam và ngoại tệ quy đổi theo Hợp đồng tín dụng số 00122/2012/0000220 ngày 29 tháng 3 năm 2013. Mục đích của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động với lãi suất được xác định theo từng lần giải ngân. Khoản vay theo hình thức vay tín chấp.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa theo Hợp đồng vay số 01/2013/HĐTD/VIETINBANKDD-PGAS ký ngày 03 tháng 6 năm 2013. Mục đích sử dụng của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay theo hình thức vay tín chấp.
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Sở Giao dịch theo các hợp đồng vay sau:
- Hợp đồng vay số 130407/HDCTD.SGD.NHNT ngày 04 tháng 12 năm 2013, mục đích sử dụng khoản tiền vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh miễn ký quỹ, phát hành thư tín dụng miễn ký quỹ, chiết khấu có truy đòi, các hình thức tín dụng khác được ngân hàng cho phép. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay theo hình thức vay tín chấp.
 - Hợp đồng số 130322/HĐCTD.SGD.NHNT ngày 25 ngày 7 năm 2013, mục đích sử dụng khoản tiền vay là bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh miễn ký quỹ, phát hành thư tín dụng miễn ký quỹ, chiết khấu có truy đòi, các hình thức tín dụng khác được ngân hàng cho phép. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay theo hình thức vay tín chấp.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo Hợp đồng cấp tín dụng số 752.13.057.747309.HMTD ngày 05 tháng 8 năm 2013, mục đích của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh thanh toán và bảo lãnh thanh toán thuế phục vụ kinh doanh khi hóa lỏng và mục đích khác nếu được Ngân hàng chấp thuận bằng văn bản trước thời điểm giải ngân của khoản vay hoặc mở thư tín dụng (L/C) có liên quan. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay theo hình thức vay tín chấp.
- (v) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - Hội sở chính theo Hợp đồng số 41/2010/HĐTD/NH-PN/PGB-HO ký ngày 28 tháng 12 năm 2012 và thỏa thuận sửa đổi bổ sung của hợp đồng này. Mục đích của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay theo hình thức vay tín chấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***17. VAY NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

- (vi) Khoản vay Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam theo Hợp đồng số 1700-LAV-2013/00540 ngày 24 tháng 5 năm 2013, mục đích của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay theo hình thức vay tín chấp.
- (vii) Khoản vay Ngân hàng TNHH Một thành viên IISBC (Việt Nam) theo Hợp đồng số VHN130542 ngày 30 tháng 5 năm 2013, mục đích của khoản vay này là bổ sung vốn lưu động. Lãi cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và ghi trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay theo hình thức vay tín chấp.

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	325.593.414	435.993.998
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.191.475.641
Thuế thu nhập cá nhân	1.015.401.241	2.398.147.743
	1.340.994.655	4.025.617.382

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải trả cổ tức	281.129.260	10.322.558.000
Tài sản thừa chờ giải quyết	3.258.889.731	-
Kinh phí công đoàn, đoàn phí, bảo hiểm xã hội	910.335.662	473.460.883
Phải trả Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG (*)	-	4.822.716.212
Phải trả Cục thuế Đà Nẵng (**)	2.242.581.495	2.242.581.495
Phải trả, phải nộp khác	8.792.177.337	7.878.849.560
	15.485.113.485	25.740.166.150

(*) Trong kỳ, Công ty TNHH Đầu tư Thương mại PLG (trước đây là công ty liên kết của Công ty) đã chấm dứt hoạt động kể từ ngày 24/6/2014 theo thông báo giải thể của Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

(**) Khoản phải trả Cục thuế Đà Nẵng về tiền thuế đất, thuế mặt nước Kho ga Thọ Quang.

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Dự phòng quỹ lương	-	8.102.335.721

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện hoàn lại quỹ lương dự phòng tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 theo hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***21. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

Phải trả dài hạn khác phản ánh số tiền ký quỹ, ký cược giá trị vỏ bình gas nhận được từ khách hàng. Biến động về khoản tiền ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Năm 2013
	VND	VND
Số dư đầu kỳ/năm	25.389.233.820	34.267.659.983
Nhận thêm ký cược, ký quỹ	3.819.579.956	5.227.374.260
Bản giao cho các công ty con	(14.204.643.498)	(9.309.421.482)
Kết chuyển vào doanh thu (*)	(1.933.944.126)	(4.796.378.941)
Số dư cuối kỳ/năm	13.070.226.152	25.389.233.820

(*) Việc kết chuyển tiền nhận ký cược, ký quỹ giá trị vỏ bình gas của khách hàng vào doanh thu được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 118/2010/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2010 của Bộ Tài chính. Theo đó, doanh thu phân bổ tiền nhận ký quỹ vỏ bình gas được xác định dựa trên số tiền ký quỹ nhận được nhân (x) với tỷ lệ phân bổ giá trị vỏ bình xuất dùng.

TÓNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCP

Tầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014
đến ngày 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

MÀU SỐ B 09-DN

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Biến động vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	344.466.990.000	76.180.770.000	(49.700.000)	106.096.040.872	13.157.000.000	65.925.309.961	605.776.410.833
Tăng vốn điều lệ	158.408.040.000	(68.878.220.000)	-	(55.102.580.000)	-	(34.427.240.000)	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	77.100.361.720	77.100.361.720
Trích các quỹ trong năm	-	-	-	10.098.239.961	843.000.000	(21.441.239.961)	(10.500.000.000)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(10.056.830.000)	(10.056.830.000)
Tại ngày 01/01/2014	502.875.030.000	7.302.550.000	(49.700.000)	61.091.700.833	14.000.000.000	77.100.361.720	662.319.942.553
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	44.731.946.361	44.731.946.361
Trích các quỹ trong kỳ	-	-	-	6.059.381.720	200.000.000	(6.259.381.720)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(10.500.000.000)	(10.500.000.000)
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	(60.340.980.000)	(60.340.980.000)
Tại ngày 30/6/2014	502.875.030.000	7.302.550.000	(49.700.000)	67.151.082.553	14.200.000.000	44.731.946.361	636.210.908.914

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2014 ngày 25 tháng 4 năm 2014, Đại hội đồng Cổ đông đồng ý chia cổ tức năm 2013 như sau: trích Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ dự phòng tài chính với các giá trị lần lượt là 6.059.381.720 đồng và 200.000.000 đồng; chia Quỹ khen thưởng phúc lợi với giá trị là 10.500.000.000 đồng và chia cổ tức với giá trị là 60.340.980.000 đồng (tương đương 12% vốn điều lệ).

b. Chi tiết vốn điều lệ của Công ty như sau:

	Tỷ lệ	30/6/2014	31/12/2013
		VND	VND
Tập đoàn Xăng Dầu Việt Nam	52,37%	263.369.160.000	263.369.160.000
Vốn góp của các cổ đông khác	47,63%	239.505.870.000	239.505.870.000
	100,00%	502.875.030.000	502.875.030.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÀU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****c. Cổ tức**

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2014 ngày 25 tháng 4 năm 2014, Đại hội đã nhất trí thông qua tỷ lệ chia cổ tức năm 2013 là 12% theo vốn góp, theo đó cổ tức năm 2013 phải trả là 60.340.980.000 đồng. Sau khi thanh toán cổ tức năm 2013 và phần cổ tức chưa trả năm 2012, số dư cổ tức chưa thanh toán cho cổ đông tại ngày 30 tháng 06 năm 2014 là 281.129.260 đồng.

d. Cổ phiếu

	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.287.503	50.287.503
+ Cổ phiếu phổ thông	50.287.503	50.287.503
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	3.353	3.353
+ Cổ phiếu phổ thông	3.353	3.353
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.284.150	50.284.150
+ Cổ phiếu phổ thông	50.284.150	50.284.150
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá mỗi cổ phiếu là 10.000 đồng.

23. DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu bán hàng	1.341.895.195.581	1.456.825.022.384
Doanh thu cung cấp dịch vụ	7.119.066.845	8.615.100.791
Doanh thu ký cược, ký quỹ và bình gas	1.933.944.126	2.183.773.701
	<u>1.350.948.206.552</u>	<u>1.467.623.896.876</u>
Trong đó		
Doanh thu nội bộ (giao dịch với các công ty con)	1.064.010.593.546	977.927.602.507
Doanh thu với đối tượng khác	286.937.613.006	489.696.294.369
	<u>1.350.948.206.552</u>	<u>1.467.623.896.876</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014</u>	<u>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.307.633.545.568	1.399.597.514.171
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.163.134.833	3.242.276.519
	<u>1.313.796.680.401</u>	<u>1.402.839.790.690</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.592.353.659	3.312.532.709
Chi phí tiền lương, tiền công	19.758.534.640	31.842.106.016
Chi phí khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	12.040.589.229	9.005.476.768
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.534.756.524	22.070.753.983
Chi phí khác	9.579.369.255	15.227.399.609
	77.505.603.307	81.458.269.085

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.326.927.174	16.709.629.560
Cổ tức, lợi nhuận được chia	34.575.996.731	27.125.683.730
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	253.210
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	2.207.396.953
	60.902.923.905	46.042.963.453

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	19.968.516.323	13.617.241.786
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.492.332.783	908.998.719
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2.259.699.250	3.040.432.143
(Hoàn nhập) dự phòng đầu tư chứng khoán ngắn, dài hạn	(286.128.533)	(1.868.713.362)
Lỗ chuyển nhượng chứng khoán	-	1.646.820.733
Chi phí tài chính khác	126.865.640	2.280.540
	23.561.285.463	17.347.060.559

28. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	VND	VND
Thanh lý tài sản cố định	16.096.924.081	-
Thu nhập khác	31.525.503	914.082.349
	16.128.449.584	914.082.349

29. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
	VND	VND
Tiền phạt, bồi thường	700.000	-
Chi phí nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	14.091.227.508	-
Khác	20.843.865	916.442.603
	14.112.771.373	916.442.603

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÀU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	47.659.031.839	48.209.622.946
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(34.354.097.850)	(26.611.175.261)
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	34.575.996.731	26.916.000.530
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	221.898.881	304.825.269
Thu nhập chịu thuế	13.304.933.989	21.598.447.685
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.927.085.478	5.399.611.921

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản vay	672.094.779.378	822.635.637.433
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	187.580.546.097	354.810.440.443
Nợ thuần	484.514.233.281	467.825.196.990
Vốn chủ sở hữu	636.210.908.914	662.319.942.553
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	0,76	0,71

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	187.580.546.097	354.810.440.443
Phải thu khách hàng (sau dự phòng)	51.620.536.177	53.341.312.879
Phải thu nội bộ ngắn hạn	268.142.495.283	237.223.628.051
Các khoản phải thu khác	16.649.379.473	12.199.121.770
Đầu tư ngắn hạn	429.261.637.800	519.561.430.200
Đầu tư dài hạn khác	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng cộng	954.254.594.830	1.178.135.933.343
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	672.094.779.378	822.635.637.433
Phải trả người bán	212.706.226.321	277.384.940.160
Chi phí phải trả	19.896.603.662	993.315.237
Phải trả khác	9.073.306.597	23.024.123.772
Tổng cộng	913.770.915.958	1.124.038.016.602

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro tỷ giá*

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	11.859.180	11.676.030	356.915.342.931	432.652.671.245
Euro (EUR)	6.319.369	6.460.035	-	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 10% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 10% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 10% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng Đô la Mỹ so với Đồng Việt Nam tăng/giảm 10% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Tổng Công ty sẽ giảm/tăng các khoản tương ứng như sau:

	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
	đến 30/6/2014	đến 30/6/2013
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	(35.690.348.375)	(19.345.794.196)

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Tổng Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Tổng Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có một số khoản phải thu đã quá hạn thanh toán, theo đó, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi với số tiền là 1.883.052.853 đồng (tại 31 tháng 12 năm 2013 là: 1.852.553.397 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*****Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	187.580.546.097	-	187.580.546.097
Phải thu khách hàng (sau dự phòng)	51.620.536.177	-	51.620.536.177
Phải thu nội bộ ngắn hạn	268.142.495.283	-	268.142.495.283
Các khoản phải thu khác	16.649.379.473	-	16.649.379.473
Dầu tư ngắn hạn	429.261.637.800	-	429.261.637.800
Dầu tư dài hạn khác	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng cộng	953.254.594.830	1.000.000.000	954.254.594.830

30/6/2014	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	672.094.779.378	-	672.094.779.378
Phải trả người bán	212.706.226.321	-	212.706.226.321
Chi phí phải trả	19.896.603.662	-	19.896.603.662
Phải trả khác	9.073.306.597	-	9.073.306.597
Tổng cộng	913.770.915.958	-	913.770.915.958
Chênh lệch thanh khoản thuần	39.483.678.872	1.000.000.000	40.483.678.872

TỔNG CÔNG TY GAS PETROLIMEX - CTCPTầng 20, tòa nhà MIPEC TOWER, số 229 Tây Sơn, quận Đống Đa
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014
đến ngày 30/6/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)*

31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	354.810.440.443	-	354.810.440.443
Phải thu khách hàng (sau dự phòng)	53.341.312.879	-	53.341.312.879
Phải thu nội bộ ngắn hạn	237.223.628.051	-	237.223.628.051
Các khoản phải thu khác	12.199.121.770	-	12.199.121.770
Đầu tư ngắn hạn	519.561.430.200	-	519.561.430.200
Đầu tư dài hạn khác	-	1.000.000.000	1.000.000.000
Tổng cộng	1.177.135.933.343	1.000.000.000	1.178.135.933.343

31/12/2013	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
Các khoản vay	822.635.637.433	-	822.635.637.433
Phải trả người bán	277.384.940.160	-	277.384.940.160
Chi phí phải trả	993.315.237	-	993.315.237
Phải trả khác	23.024.123.772	-	23.024.123.772
Tổng cộng	1.124.038.016.602	-	1.124.038.016.602
Chênh lệch thanh khoản thuần	53.097.916.741	1.000.000.000	54.097.916.741

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

32. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên bảng cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 đã được soát xét.


Phan Quang Thành
Người lập biểu

Nguyễn Hữu Quang
Kế toán trưởngTrần Văn Thanh
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 8 năm 2014